

# TRƯỜNG PHÁI NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH CỦA NỀN NGOẠI GIAO VIỆT NAM

★ PGS, TS NGUYỄN VIỆT THẢO

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Về các quan hệ quốc tế, đường lối đối ngoại và chính sách ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại di sản quý báu bao gồm tư tưởng ngoại giao, phong cách ngoại giao, thực tiễn ngoại giao đặc sắc, hiệu quả, vừa tràn đầy bản chất nền ngoại giao cách mạng của giai cấp vô sản, đậm đà bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa bang giao quốc tế của các quốc gia dân tộc trên thế giới. Tất cả hòa quyện thành trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh, mở đầu cho nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, mà toàn Đảng, toàn dân kế thừa, phát triển với những nội dung vẫn còn nguyên giá trị bền vững.

● **Từ khóa:** tư tưởng Hồ Chí Minh; trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh; ngoại giao Việt Nam; thời đại Hồ Chí Minh.

## 1. Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và Danh nhân văn hóa thế giới; người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam; người sáng lập, tổ chức, rèn luyện Đảng, Nhà nước Việt Nam; chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế; người bạn lớn của nhân dân các dân tộc trên thế giới. Từ đầu thế kỷ XX, với việc tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc, con đường độc lập dân tộc và CNXH, Người đã mở ra thời đại Hồ Chí Minh: chấm dứt lịch sử phong kiến - thuộc địa; gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, dân tộc với quốc tế; đưa Việt Nam tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng CNXH. Đồng thời, Người cũng sáng tạo ra trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh, mang đậm dấu ấn độc đáo và hiệu quả.

Trường phái là nội dung và cách thức thực hành hoạt động học thuật, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của một đội ngũ những người cùng chí hướng và phương pháp luận do một nhân vật đứng đầu hướng đạo, làm mẫu, tổ chức, rèn luyện. Trong nhiều trường hợp, trường phái gắn với tư tưởng và hệ tư tưởng; với khuynh hướng, xu hướng lịch sử; với thiết chế giáo dục, đào tạo...

Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh có cơ sở lý luận vững chắc, cơ sở thực tiễn phong phú đã được kiểm nghiệm, tạo nên những đặc trưng, bản sắc như: hòa hiếu, làm bạn với tất cả các nước; độc lập, tự chủ và đoàn kết, hợp tác quốc tế; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chân thành, tình nghĩa, thủy chung, “giúp bạn là giúp mình”, tôn trọng đạo lý trong quan hệ đối ngoại; “dĩ bất biến, ứng vạn biến”... Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh tạo ra sức

mạnh thời đại hùng hậu, kết hợp với sức mạnh dân tộc to lớn bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, công cuộc đổi mới là sự tiếp nối hành trình của thời đại Hồ Chí Minh, trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh để Việt Nam “sánh vai với các cường quốc năm châu” như khát vọng cao đẹp của Người.

## 2. Nội dung

### 2.1. Nền ngoại giao vì hòa bình, độc lập, tự chủ, toàn diện, hiện đại

Là chiến sĩ cộng sản mẫu mực, Hồ Chí Minh luôn nhất quán trong nhận thức và hành động: cách mạng XHCN mang bản chất hòa bình, nhưng không phải là một thứ hòa bình giả

hiệu, mong manh, mà phải là một nền hòa bình chân chính, vững chắc, dựa trên độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, công lý và nhân phẩm.

Trong những năm đầu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tranh thủ đến cả những cơ hội nhỏ nhất để bảo vệ nền hòa bình, kể cả phải nhượng bộ, thỏa hiệp với đối phương. Đến khi không còn cơ hội nào nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới kêu gọi Toàn quốc kháng chiến, thà hy sinh tất cả, nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Với chính quyền Mỹ, Hồ Chí Minh thể hiện rõ lập trường hòa bình: “Chúng tôi không đánh nước Mỹ. Chúng tôi không phạm một hành động đối địch nào vào lãnh thổ của các ông... Trong khi những hành động chiến tranh còn tiếp diễn thì các ông đừng mong đợi chúng tôi đến

bàn thương lượng. Làm như vậy không phải là thương lượng một giải pháp mà đó là đi xin hòa bình, là đầu hàng. Đó là điều chúng tôi không bao giờ làm”<sup>(1)</sup>. Cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời, dù đang bệnh nặng, trong lá thư viết trả lời Tổng thống Mỹ R.Níchxon ngày 25-8-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: “Nhân dân Việt Nam rất tha thiết với hòa bình, nhưng hòa bình thật sự không thể tách khỏi độc

lập thật sự. Vì để quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, cho nên nhân dân Việt Nam phải chống lại để bảo vệ độc lập và gìn giữ hòa bình”<sup>(2)</sup>. Người còn bày tỏ: “Tôi sẽ rất sung sướng được đón tiếp Tổng thống Mỹ đến đây một cách hòa bình. Chúng tôi chìa bàn tay hữu nghị với bất kỳ quốc

gia nào thừa nhận Việt Nam là một nước tự do và độc lập”<sup>(3)</sup>.

Độc lập, tự chủ là tư duy nổi bật, nhất quán của nhà chính trị Hồ Chí Minh. Độc lập là không phụ thuộc, bắt chước, sao chép, giáo điều. Tự chủ là chủ động, tự mình quyết định hành động của mình, tự chịu trách nhiệm trước nhân dân, biết làm chủ bản thân và công việc.

Trong quan hệ quốc tế và đối ngoại, Hồ Chí Minh khẳng định: “Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng. Nhân dân Việt Nam quyết không thêm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy”<sup>(4)</sup>. Đối với quan hệ giữa các đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”<sup>(5)</sup>. “Liên Xô và Trung Quốc ra sức giúp đỡ ta một cách vô tư,

kháng khái, để chúng ta có thêm điều kiện tự lực cánh sinh”<sup>(6)</sup>. Người cũng nhiều lần căn dặn: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”<sup>(7)</sup>.

## **2.2. Nền ngoại giao của đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng**

Hồ Chí Minh trưởng thành trong phong trào cộng sản quốc tế; là lãnh tụ của cách mạng vô sản, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, Người không bao giờ thụ động, sao chép lý luận và thực tiễn của phong trào cộng sản quốc tế vào đường lối đối nội và đối ngoại của Việt Nam, mà luôn vận dụng một cách phù hợp và thông qua đó góp phần bổ sung, phát triển lý luận cộng sản. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đã vượt qua khuôn mẫu đấu tranh giai cấp cứng nhắc của không ít đội ngũ cộng sản thế kỷ XX, hình thành nền ngoại giao hiện đại của đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng ngay trong bối cảnh đối đầu gay gắt giữa hai hệ thống XHCN và tư bản chủ nghĩa, giữa Đông và Tây.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã gửi thông điệp cho Chính phủ Pháp, các nước Đồng minh và Liên hợp quốc, khẳng định nước Việt Nam mới sẵn sàng hợp tác với các nước trong việc kiến thiết quốc gia và xây dựng một thế giới tốt đẹp: “Bất kỳ nước nào (gồm cả nước Pháp) thật thà muốn đưa tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam, với mục đích làm lợi cho cả hai bên, thì Việt Nam sẽ rất hoan nghênh”<sup>(8)</sup>.

Ngay từ buổi đầu thành lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”<sup>(9)</sup>, được thể hiện nhất quán, cụ thể:

1- Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng

mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền.

2- Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.

d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt<sup>(10)</sup>...

Hồ Chí Minh lên án quân xâm lược hiếu chiến ở nhiều quốc gia vi phạm Hiến chương Đại Tây Dương và Hiến chương Xan Phranxítô, đồng thời thể hiện mong muốn thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì hòa bình và thịnh vượng chung. Ngày 14-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có điện văn gửi Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc và đại diện một số nước tại Đại hội đồng khẳng định trách nhiệm và sự đóng góp quan trọng, có ích của Việt Nam trong việc “giải quyết một cách nhanh chóng và hòa bình cho các vấn đề ở Đông Nam Á châu hiện nay”<sup>(11)</sup>; “chúng tôi hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng nên một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hòa bình bền vững”<sup>(12)</sup>. Tháng 12-1946, Hồ Chí Minh nêu rõ trong Lời kêu gọi Liên hợp quốc: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”<sup>(13)</sup>.

Trong Lời tuyên bố của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng Chính phủ các nước trên thế giới, ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới”<sup>(14)</sup>.

### **2.3. Nền ngoại giao cách mạng với chủ nghĩa quốc tế chân chính**

Giai cấp vô sản khác hẳn các giai cấp khác trong lịch sử loài người ở chỗ, chỉ giải phóng được mình khi đồng thời giải phóng toàn xã hội. Sự nghiệp cách mạng vô sản chỉ thành công khi giai cấp vô sản toàn thế giới biết đoàn kết, liên minh chiến đấu và chiến thắng giai cấp tư sản toàn thế giới. Khi xây dựng học thuyết cho sự nghiệp giải phóng của giai cấp vô sản, các nhà kinh điển C.Mác và Ph.Ăngghen đã xác lập khẩu hiệu: “Vô sản toàn thế giới, đoàn kết lại!”. Trong điều kiện mới đầu thế kỷ XX, lãnh tụ V.I.Lênin bổ sung khẩu hiệu mang tính chiến lược ấy thành: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”. Ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản do các nhà kinh điển dựng lên được đội ngũ lãnh tụ cách mạng trên thế giới kế thừa, vận dụng, phát triển rất sinh động. Tiêu biểu là trường hợp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có đóng góp to lớn đối với thế giới ngay từ đầu thế kỷ XX trong nhận thức và thực tiễn giải quyết vấn đề thuộc địa. Người không nhìn nhận giản đơn vấn đề thuộc địa chỉ là vấn đề nông dân; cũng không máy móc nhận thức vấn đề thuộc địa hoàn toàn là vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Thực chất của vấn đề thuộc địa là vấn đề dân tộc thuộc địa, là đấu tranh xóa bỏ ách thống trị của chủ

nghĩa thực dân, là cách mạng giải phóng dân tộc. Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên phát hiện chủ nghĩa thực dân như con đĩa hai vôi, một vôi bám vào khai thác thuộc địa, một vôi bám vào bóc lột lao động ở chính quốc; muốn tiêu diệt con quái vật này, phải cắt đứt cả hai chiếc vôi, trong đó chiếc vôi ở thuộc địa có khả năng cắt bỏ trước. Cách mạng giải phóng thuộc địa có thể nổ ra trước và cần đi trước cách mạng vô sản ở chính quốc; là bộ phận hữu cơ của cách mạng thế giới. Đây chính là nội dung độc đáo của chủ nghĩa quốc tế vô sản Hồ Chí Minh.

Suốt 30 năm bốn ba khắp năm châu vừa lao động, học tập và hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc về bức tranh chung của thế giới trong thời đại đế quốc chủ nghĩa: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”<sup>(15)</sup>. Trên cơ sở ấy, Người vạch ra quy luật: “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”<sup>(16)</sup>.

Được Quốc tế Cộng sản giao nhiệm vụ chủ trì thành lập chính đảng cộng sản ở Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp soạn thảo Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng, trong đó vạch rõ: “Phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”<sup>(17)</sup>.

Nét đặc sắc trong chủ nghĩa quốc tế vô sản Hồ Chí Minh là nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa dân tộc và mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc trong sự nghiệp cách mạng vô sản. Đối với châu Âu và các quốc gia phát triển phương Tây, các lực lượng dân tộc đã

hết vai trò tích cực và các chính phủ tư sản đã biến chủ nghĩa dân tộc thành chủ nghĩa dân tộc tư sản tuyên truyền về sự ưu việt của dân tộc này so với các dân tộc khác, reo rắc thù hận dân tộc, sắc tộc. Ở phương Đông, nơi chưa có sự phân hóa giai cấp đến đỉnh cao, tình hình lại khác hẳn. Nhiều lực lượng dân tộc còn đầy tiềm năng tích cực mà cách mạng phải giành lấy, tổ chức họ thành đội ngũ đấu tranh chống phong kiến, thực dân, đế quốc.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam vừa được tận hưởng sự giúp đỡ quý báu của tình hữu ái vô sản và cũng phải chứng kiến sự bất hòa xót xa giữa các đảng cộng sản anh em. Trong bối cảnh đó, Người đã dày công giáo dục cán bộ, đảng viên mối quan hệ giữa các đảng cộng sản, công nhân cũng như giữa các tổ chức dân chủ, tiến bộ trên thế giới dựa trên nền tảng chủ nghĩa quốc tế vô sản là một tất yếu trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản đế quốc đã trở thành lực lượng quốc tế; nguyên tắc giữ vững tính độc lập tự chủ trên tinh thần quốc tế chân chính; nhận thức sâu sắc rằng “giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình”; bảo đảm nguyên tắc “tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân của nước bạn”.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh phương châm “có lý”, “có tình” trong quan hệ quốc tế giữa các đảng cộng sản, công nhân. “Có lý” trước hết là tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới. “Có tình” là sự thông cảm, tôn trọng nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, mục tiêu đấu tranh, khắc phục tư tưởng nước lớn, đảng lớn. “Có lý”, “có tình” là biểu hiện sinh động của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân văn cộng sản chủ nghĩa.

#### 2.4. Nền ngoại giao “Đĩ bất biến, ứng vạn biến”

Ngày 31-5-1946, trước khi lên đường sang Pháp dự hội nghị Phôngtennoblô, Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng trao quyền Quyền Chủ tịch nước cho Cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ “đĩ bất biến ứng vạn biến”<sup>(18)</sup>. Từ đó, “đĩ bất biến, ứng vạn biến” trở thành nguyên tắc vàng của nền ngoại giao Việt Nam. “Đĩ bất biến, ứng vạn biến” là lấy cái không thể thay đổi (bất biến) để ứng phó với muôn sự thay đổi (vạn biến).

Mục tiêu “bất biến” của Việt Nam đã được chính Người nêu rõ: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>(19)</sup>, là độc lập dân tộc và CNXH; là chủ quyền quốc gia, thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ. Còn lại, tất cả là “vạn biến” linh hoạt, mềm dẻo...

Việt Nam là nước nhỏ, trong thời gian dài là quốc gia chậm phát triển; mặt khác, lại thường xuyên phải đương đầu với các thế lực xâm lược hùng mạnh nhất thế giới. Vị thế và hoàn cảnh đặc thù như vậy đặt ra yêu cầu đối với lãnh tụ, lãnh đạo Việt Nam phải vừa kiên định những mục tiêu chiến lược và linh hoạt trong sách lược, phù hợp với từng vụ việc, bối cảnh, đối tác, đối tượng. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực, đã tạo lập phong cách “đĩ bất biến, ứng vạn biến” cho nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại mang tên Người.

Trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” những năm 1945-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện thiên tài ngoại giao: tạm thời nhân nhượng, thỏa hiệp với Pháp, không để quân đội



Anh vào giải giáp quân phiệt Nhật, đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước bằng việc ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946.

Hiệp định Sơ bộ công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng; đồng ý thực hiện trung cầu dân ý tại Nam Kỳ về việc tái thống nhất với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đổi lại, Chính phủ ta đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế cho 200.000 quân Trung Hoa Quốc dân Đảng để giải giáp quân Nhật. Số quân này phải rút hết khỏi Việt Nam trong vòng 5 năm. Hai bên thực hiện ngừng bắn, giữ nguyên quân đội tại vị trí hiện thời để đàm phán về chế độ tương lai của Đông Dương, về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nước ngoài, những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam...

Sau bế tắc của Hội nghị Phôngtennoblô, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Marius Moutet Tạm ước Việt - Pháp khẳng định hai bên tôn trọng tinh thần và một số điều khoản của Hiệp định Sơ bộ 6-3, nhất là các điều liên quan đến vị thế độc lập của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp, cam kết quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ... Hai bên sẽ đình chỉ hết mọi hành động xung đột và vũ lực ở Nam Bộ từ ngày 30-10-1946; tôn trọng các quyền tự do dân chủ; sẽ quyết định thể thức về trung cầu dân ý ở Nam Bộ. Pháp sẽ thả những người yêu nước Việt Nam bị bắt giữ; Việt Nam sẽ trả lại các tài sản của người Pháp đã bị tịch thu, sẽ tôn trọng tài sản và cơ sở kinh tế của người Pháp và cho phép họ hưởng các quyền tự do tương tự như các công dân Việt Nam kể cả quyền tự do kinh

doanh và sẽ ưu tiên sử dụng các cố vấn và chuyên gia Pháp; Việt Nam sẽ cho phép các cơ quan giáo dục, khoa học Pháp được tự do hoạt động, trả lại Viện Paster ở Hà Nội cho Pháp; Việt Nam đồng ý coi đồng bạc Đông Dương là đồng tiền duy nhất cho toàn Đông Dương và đồng ý sẽ lập một liên minh hải quan với các thành viên khác của Liên bang Đông Dương...

Tạm ước 14-9 đưa ra những nhân nhượng cao nhất về kinh tế, thương mại mà Chính phủ Việt Nam có thể dành cho Pháp. Nếu Hiệp định Sơ bộ giúp ta phân hóa hàng ngũ đối phương, loại bớt kẻ thù, tránh cùng lúc đối phó với nhiều kẻ thù, thì Tạm ước thể hiện rõ kế tri hoãn, tạo điều kiện tiếp tục củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài không thể tránh khỏi. Tạm ước 14-9 cũng là thiện chí cứu vãn hòa hoãn, tránh một sự đổ vỡ hoàn toàn quan hệ giữa hai nước, duy trì khả năng tiếp tục thương lượng hòa bình về một giải pháp song phương về sau.

Phong cách ngoại giao “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” tiếp tục tỏa sáng trong các giai đoạn tiếp theo của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng nghệ thuật giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn, “vừa đánh, vừa đàm” để làm cho “Mỹ cút” trước tiên và đánh cho “ngụy nhào” sau đó... Cao hơn nữa, chính phong cách ngoại giao đặc sắc ấy đã bảo đảm cho cách mạng Việt Nam sức mạnh thời đại to lớn ngay cả ở những thời điểm xảy ra bất đồng nghiêm trọng giữa các lực lượng cộng sản chủ chốt. Cả thế giới, từ cánh tả đến cánh hữu, từ cộng sản đến dân tộc tiến bộ, từ phương Tây trung tâm của chủ nghĩa tư bản đến ngoại vi Á, Phi, Mỹ - Latinh rộng lớn... kết thành một mặt trận đoàn kết ủng hộ Việt Nam trong chiến tranh chống thực dân, đế quốc. Sự kiện độc nhất vô

nhị này trong nền chính trị thế giới thế kỷ XX thể hiện giá trị vượt thời gian của nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng, Nhà nước đã kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh lên tầm cao mới; thực hiện đường lối ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên chủ động, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Nền ngoại giao Việt Nam đã tiên phong trong sứ mệnh tạo lập môi trường quốc tế hòa bình, ổn định; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng hệ thống quan hệ quốc tế rộng mở, có chiều sâu; thu hút nhiều nguồn lực quan trọng, không thể thiếu cho sự phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của quốc gia dân tộc trên trường quốc tế. Đó là nền ngoại giao cách mạng trong thế giới ngày nay, vừa kiên định mục tiêu, bản chất XHCN; phù hợp với các xu thế lớn của thế giới đương đại cũng như các điều kiện cụ thể của đất nước và mang đậm bản sắc của trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

### 3. Kết luận

Đối ngoại là sự tiếp nối của đối nội, bằng nội dung và phương thức khác. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH ở Việt Nam được thực hiện trong điều kiện của một quốc gia phong kiến - thuộc địa phương Đông, chậm phát triển và trong bối cảnh thời đại khác xa so với dự cảm của các nhà kinh điển C.Mác, Ph.Ăngghen và cũng không như hoàn cảnh của nước Nga Xô viết của V.I.Lênin đầu thế kỷ XX. Bởi vậy, lịch sử đặt ra cho lãnh tụ Hồ Chí Minh sứ mệnh khai mở một nền ngoại giao thích hợp nhằm mang lại nhân tố quốc tế tích cực và điều

kiện thuận lợi cho cách mạng trong nước. Vị lãnh tụ thiên tài đã đáp ứng kịp thời, hiệu quả đòi hỏi ấy bằng trường phái ngoại giao đặc sắc Việt Nam trong thời đại độc lập dân tộc và CNXH, mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xác định là trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh - trường phái ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Trường phái ngoại giao mang tên Người đã tiên phong gắn kết dân tộc với thời đại; Việt Nam với thế giới; thế giới với Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc trước kia và đổi mới, hội nhập quốc tế hiện nay. Di sản vô giá mang tên Hồ Chí Minh trở thành giá trị chung cho nền ngoại giao chân chính của các dân tộc ngày nay trong sự nghiệp xây dựng một thế giới hòa bình, độc lập, dân chủ, hợp tác và phát triển □

*Ngày nhận bài: 23-7-2025; Ngày bình duyệt: 10-8-2025; Ngày duyệt đăng: 28-8-2025.*

*Email tác giả: vietthaoacs@gmail.com*

(1), (3) Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.11, 12.

(2), (19) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.3, 627.

(4), (9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.602, 256.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Sđd, tr.372.

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Sđd, tr.103.

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Sđd, tr.445.

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.145.

(10), (11), (12), (13) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.523, 180, 210, 523.

(14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.311.

(15), (16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Sđd, tr.287, 295.

(17) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Sđd, tr.3.

(18) *Bác Hồ với cụ Huỳnh Thúc Kháng*, <https://baotanghochiminh.vn>, ngày 12-02-2019.